

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 253 + 254

Ngày 15 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

08-10-2025	Quyết định số 2013/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	02
------------	--	----

(Đăng từ Công báo điện tử số 253 + 254 đến số 255 + 256 ngày 15 tháng 12 năm 2025)

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3820/TTr-STP ngày 19 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ

tục hành chính lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố cấu hình quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy trình nội bộ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Sở Tư pháp tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Stt	Tên quy trình nội bộ
1	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước
2	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
3	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước
4	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
5	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

QUY TRÌNH 01**Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (theo mẫu)	03	Bản chính
2	Bản khai lý lịch (theo mẫu)	03	Bản chính
3	Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế	03	- Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)
4	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
5	Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	<p>cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp) hoặc bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam hoặc bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP.</p>		tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)
6	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (phải là người đang thường trú tại Việt Nam và đã được cơ quan Công an có thẩm quyền của Việt Nam cấp Thẻ thường trú. Thời gian thường trú tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được tính từ ngày người đó được cấp Thẻ thường trú)	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)
7	Giấy tờ chứng minh khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)
8	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có	03	Bản sao được cấp từ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	<p>con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì nộp bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con (trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).</p> <p>Trường hợp người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam xin nhập quốc tịch Việt Nam, trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>		sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)
9	<p>Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình 	03	- Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	<p>trạng hôn nhân; nếu có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; nếu có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh (Trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).</p> <p>- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>- Người có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng vượt trội trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục hoặc các lĩnh vực khác đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng hoặc được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương và có cơ sở cho thấy người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nêu trên của Việt Nam; doanh nhân, nhà đầu tư là cá nhân có hoạt động kinh doanh, đầu tư tại Việt Nam đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về việc người</p>		định danh điện tử (VNeID)

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển của Việt Nam.		
10	<p>Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;</p> <p>- Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.</p>	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

***Lưu ý:**

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ:</p> <p>+ Khu vực I: số 141-143 Pasteur, phường Xuân Hòa.</p> <p>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương.</p> <p>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa.</p>	<p>22 ngày làm việc + 80 ngày (Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)</p>	<p>3.000.000 đồng/trường hợp</p> <p>* Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi trú.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	Công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện tra cứu thông tin đăng ký hộ tịch có liên quan trong

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>CSDLHTĐT, CSDLQGVDC và in kết quả tra cứu (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>Chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					môn giải quyết TTHC.
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	02 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam; trình lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh.
B5	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi công văn xác minh cho Công an Thành phố.
B6	Thẩm tra, xác minh	Công an Thành phố	30 ngày	Kết quả xác minh	Tiến hành xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp.
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Văn bản trả lời xác minh	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất	Công chức thụ lý hồ sơ	1,5 ngày	- Theo mục 1 - Dự thảo kết	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Tờ trình trình

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	kết quả giải quyết TTHC	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	làm việc	quả	UBND Thành phố và dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp.
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo Tờ trình trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt Tờ trình trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B11	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển cho công chức của Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B12	Chuyển hồ sơ	Công chức Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển 02 bộ hồ sơ cho công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố.
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho công chức được phân công xử lý	Công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ	- Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm: + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo). + Tờ trình của Sở Tư pháp (02 bản chính). + Dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp (01 bản chính, 01 bản photo). - Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức được phân công xử lý của Phòng chuyên môn.
B14	Kiểm tra hồ sơ	Công chức Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Tờ trình trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký Tờ trình trình Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố
B16	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký Tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B18	Phát hành	Công chức	0,5	Hồ sơ đã	Cho số, đóng dấu,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	văn bản	Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố	ngày làm việc	được phê duyệt	ban hành văn bản; chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B19	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	<p>* Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch:</p> <p>Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>* Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không xin giữ quốc tịch nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đáp ứng đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ. - Nếu hồ sơ có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>ngoài.</p> <p>+ Trong thời hạn 09 tháng (không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ), kể từ ngày Bộ Tư pháp có văn bản thông báo mà người xin nhập quốc tịch Việt Nam không nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho thôi quốc tịch nước ngoài thì Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ.</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p>
B20	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Chủ tịch nước	30 ngày	Hồ sơ trình	Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.
B21	Tiếp nhận, thông báo kết quả giải quyết	Bộ Tư pháp	07 ngày làm việc	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	- Sau khi có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp đăng tải

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; gửi văn bản thông báo kèm Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho UBND Thành phố để chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp người được nhập quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào Sổ hộ tịch.</p> <p>- Thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, thẻ căn cước, căn cước điện tử cho người được nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p>

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.1 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025) - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (<i>Dùng cho người người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được được đại diện</i>) (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)
5.	BM 05	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT- 2025 - BKLL ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)
6.	BM 06	Bản cam kết (Mẫu TP/QT-2025-VBCK ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)
7.	BM 07	Bản cam đoan (Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	BM 06	Bản cam kết (nếu có)
7.	BM 07	Bản cam đoan (nếu có)
8.	//	Bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
9.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2025);

- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Quyết định số 5793/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh mục thủ tục hành chính thí điểm tra cứu thông tin cơ sở dữ liệu khi thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

- Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp./.

Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....

..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (6):

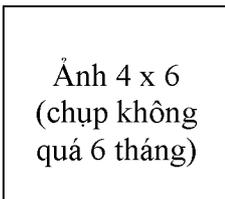
- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	<input type="checkbox"/>

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên là (7):

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (8):

Con thứ nhất:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):.....

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....

..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7):

Con thứ hai:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....
do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....
..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7):

Con thứ

.....
Liên quan đến quốc tịch hiện nay (9):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-
 -
 -

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc tịch mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin Thẻ thường trú nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.

(6) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(7) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(8) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(9) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM****(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch
Việt Nam cho người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1): Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
(nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do: cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú* :

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm
Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép
người có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.**Người thứ nhất xin nhập quốc tịch Việt Nam:**

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1)..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:..... số:.....

do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số (5):..... do:.....

..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6):

Người thứ hai xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1)..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:..... số:.....

do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

.....
Thẻ thường trú số (5):..... do:.....

..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6):

Người thứ xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (7):

- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	<input type="checkbox"/>

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện. <input type="checkbox"/>	Tôi tự xét thấy(9) thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay: <input type="checkbox"/>
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép..... (9) được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn*(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)*

.....

-

.....

-

.....

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin giấy tờ này nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.

(6) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(9) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.

Mẫu TP/QT-2025-BKLL

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ
căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

.....

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng..... năm.....

Nơi làm việc:

.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ

căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ

Anh/chi/em ruột thứ nhất:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chi/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ

căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:

.....

Anh/chị/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

Mẫu TP/QT-2025-VBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ ...:

Nội dung thoả thuận

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thoả thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

(3) Ghi rõ nội dung thoả thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

Mẫu TP/QT-2025-VBCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN CAM KẾT (1)**

Kính gửi (2):

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

Tôi xin cam kết:

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

*Làm tại, ngày tháng năm***Người cam kết***(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)***Chú thích:**

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam kết.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN (1)

Kính gửi (2):

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:
.....
.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nội dung cam đoan ...
.....
.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ngày tháng năm

Người cam đoan

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

- (1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam đoan.
- (2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.
- (3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

QUY TRÌNH 02**Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
01	- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam theo mẫu (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu quốc tịch điện tử tương tác xin trở lại quốc tịch Việt Nam (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).	03	Bản chính	Bản chính (Đơn phải được chứng thực chữ ký theo quy định pháp luật)	Nhập thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công
02	- Bản khai lý lịch theo mẫu (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu quốc tịch điện tử tương tác bản khai lý lịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).	03	Bản chính	Bản chính (Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định pháp luật)	Nhập thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công
03	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để	Bản sao có chứng thực	Bản chụp/bản điện tử/bản

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
	<p>người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài.</p> <p>Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.</p>		đôi chiếu		sao điện tử
04	<p>Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam. - Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó. <p>(Trường hợp thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam trước đây của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể khai thác được tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan tiếp nhận không yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp các giấy tờ nêu trên).</p>	03	<p>Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VneID)</p>	<p>Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực</p>	<p>Bản chụp/bản điện tử/bản sao điện tử</p>

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
05	<p>Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam</p>	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu	Bản sao có chứng thực	Bản chụp/bản điện tử/bản sao điện tử
06	<p>Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p>	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị	Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực	Bản chụp/bản điện tử/bản sao điện tử

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
	<p>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam và con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>		trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)		
07	<p>Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy</p>	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích	Bản sao có	Bản chụp/bản

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
	<p>định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó.</p> <p>- Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.</p>		<p>hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID</p>	<p>chứng thực</p>	<p>điện tử/bản sao điện tử</p>
08	<p>Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</p>	03	<p>Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ</p>	<p>Bản sao có chứng thực</p>	<p>Bản chụp/bản điện tử/bản sao điện tử</p>

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
	Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).		được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)		

*** Lưu ý:**

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn), không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ: - Khu vực I: số 141-143 Pasteur, phường Xuân Hòa.	22 ngày làm việc + 60 ngày (Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	2.500.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đối với người mất quốc tịch xin trở lại quốc tịch Việt Nam mà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, đường Lê Lợi, phường Bình Dương. - Khu vực III: số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa.		

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	0,5 ngày làm việc	Theo mục 1	Thành phần hồ sơ theo mục 1.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp/bưu chính:</p> <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện tra cứu thông tin đăng ký hộ tịch, quốc tịch có liên quan trong CSDLHTĐT, CSDLQGVDC và in kết quả tra cứu (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>sơ theo BM 03.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>Tiếp nhận trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu hồ sơ bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình (BM 01), thông báo đến tài khoản của cá nhân. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì thông báo cho cá nhân qua tài khoản của cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu (BM 02). <p>=> Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và ngày lễ.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					- Trường hợp từ chối nhận hồ sơ: Thông báo cho cá nhân thông qua tài khoản của cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, nêu rõ lý do từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (BM 03). Chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	02 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, trình lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt.
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh
B5	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi công văn xác minh cho Công an Thành phố.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B6	Thẩm tra, xác minh	Công an Thành phố	20 ngày	Kết quả xác minh	Tiến hành xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp.
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Văn bản trả lời xác minh	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	1,5 ngày làm việc	Theo mục 1 Dự thảo kết quả	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Tờ trình trình UBND Thành phố và dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp.
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo Tờ trình trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt Tờ trình trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B11	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển cho công chức của Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B12	Chuyển hồ sơ	Công chức Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển 02 bộ hồ sơ cho công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho công chức được phân công xử lý	Công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ	Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm: + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo). + Tờ trình của Sở Tư pháp (02 bản chính). + Dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp (01 bản chính, 01 bản photo). Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức được phân công xử lý của Phòng chuyên môn
B14	Kiểm tra hồ sơ	Công chức Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Tờ trình trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố
B16	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký Tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố.
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND	01 ngày	- Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		Thành phố	làm việc	- Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp.
B18	Phát hành văn bản	Công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, ban hành văn bản; chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B19	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	<p>* Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch: Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>* Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không xin giữ quốc tịch nước ngoài: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đáp ứng đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ. - Nếu hồ sơ có đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp gửi thông báo bằng văn bản cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>ngoài.</p> <p>+ Trong thời hạn 09 tháng (không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ), kể từ ngày Bộ Tư pháp có văn bản thông báo mà người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho thôi quốc tịch nước ngoài thì Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ.</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p>
B20	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Chủ tịch nước	20 ngày	Hồ sơ trình	Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.
B21	Tiếp nhận, thông báo kết quả giải quyết	Bộ Tư pháp	07 ngày làm việc	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	<p>- Sau khi có Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp gửi kết quả giải quyết cho Sở Tư pháp để thông báo cho người có yêu cầu và để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.</p> <p>- Trường hợp người được trở lại quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>quyền của Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào Sổ hộ tịch.</p> <p>- Thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, thẻ căn cước, căn cước điện tử cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p>

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	<p>- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTLQT.1 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)</p> <p>- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (<i>Dùng cho người người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được được đại diện</i>) (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTLQT.2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)</p>
5.	BM 05	<u>Bản khai lý lịch</u> (Mẫu TP/QT-2025-BKLL ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)
6.	BM 06	Bản cam kết (Mẫu TP/QT-2025-VBCK ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)
7.	BM 07	Bản cam đoan (Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4.	BM 04	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	BM 06	Bản cam kết (nếu có)
7.	BM 07	Bản cam đoan (nếu có)
8.	//	Bản sao Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
9.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2025);

- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Quyết định số 5793/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh mục thủ tục hành chính thí điểm tra cứu thông tin cơ sở dữ liệu khi thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

- Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp./.

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Mẫu TP/QT-2025- ĐXTLQT.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Nơi cư trú:

.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....

(theo Quyết định số:..... ngày..... tháng..... năm.....

của.....).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

.....
Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (7):

Con thứ nhất:

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số

do:..... cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú:

.....
Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây/nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (8).....

Con thứ hai:

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):.....

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số

do:..... cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây/nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (8).....

Con thứ.....:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (9):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

-

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã

thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Trường hợp xin trở lại/xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(8) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam; người xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(9) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Mẫu TP/QT-2025-ĐXTLQT.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM****(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6
của người xin
trở lại quốc
tịch Việt Nam
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1): Giới tính* :.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):
Nơi sinh (2)*:
Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):
Quốc tịch hiện nay (4):
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:.....
do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
Nơi cư trú* :
.....
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):
.....
Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....
(theo Quyết định số:..... ngày..... tháng..... năm.....
của.....).

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:
.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):
.....

Người thứ hai xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6
của người xin
trở lại quốc
tịch Việt Nam
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1): Giới tính* :.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):
Nơi sinh (2)*:
Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....

(theo Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm..... của.....).

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):

Người thứ... xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (7):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của (8) thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....(8) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(8) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Mẫu TP/QT-2025-BKLL

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng..... năm.....

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:

Giới tính *:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:

Giới tính *:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay:

.....

Con thứ**Anh/chị/em ruột thứ nhất:****Con thứ nhất:**

Họ, chữ đệm và tên:

Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:

Anh/chi/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Anh/chi/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chi/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

Mẫu TP/QT-2025-VBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số..... do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số..... do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):
số.....do.....
..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ:

Nội dung thoả thuận

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thoả thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày, tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

(3) Ghi rõ nội dung thoả thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

Mẫu TP/QT-2025-VBCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT (1)

Kính gửi (2):

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:
.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):
số..... do.....
..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

Tôi xin cam kết:
.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam kết.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:
.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):
số..... do.....
..... cấp ngày..... tháng năm

Nội dung cam đoan ...
.....
.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ngày tháng năm

Người cam đoan

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

- (1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam đoan.
- (2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.
- (3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

I. Thông tin về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Quốc tịch hiện nay;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (11) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/ nơ đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (12) Lý do mất quốc tịch Việt Nam (theo Quyết định số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tách biệt riêng các trường thông tin);
- (13) Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam;
- (14) Tên gọi nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch

Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

II. Thông tin về con chưa thành niên sinh sống cùng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam

Con thứ nhất:

(15) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;

(16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Giới tính;

(18) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(19) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi sinh;

(21) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(22) Quốc tịch hiện nay;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);

(25) Tên gọi nếu được trở lại (được nhập) quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam; người xin trở lại/xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

Con thứ:....

(26) Liên quan đến quốc tịch hiện nay:

- Cam kết làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên (nếu có)
- Thuộc trường hợp được xin giữ quốc tịch hiện nay

(27) Lý do xin giữ quốc tịch.

* Người yêu cầu cam đoan trung thành trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dành cho người đại diện theo pháp luật làm
Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)**

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam

Người thứ nhất xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi*

chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(17) Quốc tịch hiện nay;

(18) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Nơi cư trú (nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(20) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(21) Lý do mất quốc tịch Việt Nam (theo Quyết định số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tách biệt riêng các trường thông tin);

(22) Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

(23) Tên gọi nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài);

Người thứ nhất xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

(24) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;

(25) Họ, chữ đệm và tên;

(26) Giới tính;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Nơi sinh;

(30) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;*

(31) Quốc tịch hiện nay;

(32) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số,

ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(33) Nơi cư trú (nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(34) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(35) Lý do mất quốc tịch Việt Nam (theo Quyết định số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tách biệt riêng các trường thông tin);

(36) Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

(37) Tên gọi nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

Người thứ ... xin trở lại quốc tịch Việt Nam

(38) Liên quan đến quốc tịch hiện nay:

- Cam kết làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện
- Thuộc trường hợp được xin giữ quốc tịch hiện nay

(39) Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay.

* Người yêu cầu cam đoan trung thành trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
BẢN KHAI LÝ LỊCH**

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi làm việc.

I. Tóm tắt về bản thân

(Ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

II. Tóm tắt về người thân thích

Ông nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội là công dân Việt Nam);

- (6) Họ, chữ đệm và tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà nội là công dân Việt Nam);

- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (13) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (14) Quốc tịch;

(15) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Ông ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông ngoại là công dân Việt Nam);

(16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(18) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Quốc tịch;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà ngoại là công dân Việt Nam);

(21) Họ, chữ đệm và tên;

(22) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(23) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Quốc tịch;

(25) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người cha

(26) Họ, chữ đệm và tên;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Quốc tịch;

(30) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người mẹ

(31) Họ, chữ đệm và tên;

(32) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(33) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(34) Quốc tịch;

(35) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Vợ/chồng

(36) Họ, chữ đệm và tên;

(37) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(38) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(39) Quốc tịch;

(40) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ nhất

(41) Họ, chữ đệm và tên;

(42) Giới tính;

(43) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(44) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(45) Quốc tịch;

(46) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ ...

....

Anh/chi/em ruột thứ nhất

(47) Họ, chữ đệm và tên;

(48) Giới tính;

(49) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm

sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(50) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(51) Quốc tịch;

(52) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Anh/chi/em ruột thứ

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

QUY TRÌNH 03**Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
01	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam theo mẫu (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu quốc tịch điện tử tương tác xin thôi quốc tịch Việt Nam (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). 	03	Bản chính	Bản chính <i>(Đơn phải được chứng thực chữ ký theo quy định pháp luật)</i>	Nhập thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công
02	<ul style="list-style-type: none"> - Bản khai lý lịch theo mẫu (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu quốc tịch điện tử tương tác bản khai lý lịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). 	03	Bản chính	Bản chính <i>(Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định pháp luật)</i>	Nhập thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
03	Giấy tờ chứng minh người xin thôi quốc tịch Việt Nam có quốc tịch Việt Nam: bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân, Thẻ căn cước, Căn cước điện tử, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam và Điều 7 Nghị định số 91/2025/NĐ-CP (Trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người xin thôi quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư)	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)	Bản sao có chứng thực	Bản chụp/ bản điện tử/bản sao điện tử
04	Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu	Bản sao có chứng thực	Bản chụp/ bản điện tử/bản sao điện tử

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
	chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).				
05	Giấy xác nhận không nợ thuế do cơ quan quản lý thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu	Bản sao có chứng thực	Bản chụp/ bản điện tử/bản sao điện tử
06	Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu	Bản sao có chứng thực	Bản chụp/ bản điện tử/bản sao điện tử
07	Bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con,	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản	Bản sao có chứng thực	Bản chụp/ bản điện tử/bản sao điện tử

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
	<p>mẹ con, (Trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).</p> <p>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>		<p>sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản điện tử các giấy tờ này hoặc giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)</p>		
<p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo 					

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Trực tiếp	Bưu chính	Trực tuyến
quy định của pháp luật Việt Nam.					

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn), không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu vực I: số 141-143 Pasteur, phường Xuân Hòa. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa. 	22 ngày làm việc + 60 ngày (Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	2.500.000 đồng/trường hợp

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp/ bưu chính:</p> <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện tra cứu thông tin đăng ký hộ tịch, quốc tịch, cư trú có liên quan trong CSDLHTĐT, CSDLQGVDC và in kết quả tra cứu (nếu có).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ:</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>Tiếp nhận trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu hồ sơ bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình (BM 01), thông báo đến tài khoản của cá nhân. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì thông báo cho cá nhân

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>qua tài khoản của cá nhân qua Cổng dịch vụ công quốc gia và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu (BM 02).</p> <p>=> Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>- Trường hợp từ chối nhận hồ sơ: Thông báo cho cá nhân thông qua tài khoản của cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, nêu rõ lý do từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (BM 03).</p> <p>Chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.</p>
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	02 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục 1 - Dự thảo công văn xác minh (nếu có) - Dự thảo văn bản đăng thông báo 	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam (nếu có); dự thảo văn bản đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam; trình lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn giải	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục 1 - Hồ sơ trình 	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh (nếu có) và ký nháy văn bản đăng thông báo, trình Lãnh

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		quyết TTHC		<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo công văn xác minh (nếu có) - Dự thảo văn bản đăng thông báo 	đạo Sở ký duyệt.
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục 1 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh (nếu có). - Dự thảo văn bản đăng thông báo 	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh (nếu có) và văn bản đăng thông báo.
B5	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản. - Gửi công văn xác minh cho Công an Thành phố (nếu có). - Gửi văn bản đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. - Gửi cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác Nếu phát hiện thấy người xin thôi

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp chưa được thôi hoặc không được thôi quốc tịch Việt Nam theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27 Luật Quốc tịch Việt Nam và khoản 2 Điều 22 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng tải thông tin.
B6	Thẩm tra, xác minh	Công an Thành phố	20 ngày	Kết quả xác minh	Công an Thành phố thẩm tra, xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp (nếu nhận được yêu cầu).
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh; thông báo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	- Văn bản trả lời xác minh - Văn bản thông báo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh của Công an Thành phố; văn bản thông báo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	1,5 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Dự thảo kết quả	- Công chức kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết: + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cho thôi quốc tịch Việt Nam: dự thảo Tờ trình UBND Thành phố và dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp. + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cho thôi quốc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					tịch Việt Nam: dự thảo tờ trình và văn bản từ chối. - Trình lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy Tờ trình trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp) hoặc văn bản từ chối.
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Theo mục 1 - Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt Tờ trình trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp) hoặc văn bản từ chối.
B11	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt.	Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển cho công chức của Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.
B12	Chuyển hồ sơ	Công chức Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển 02 bộ hồ sơ cho công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho công chức được phân công xử lý	Công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn phòng UBND Thành phố	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ	Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm: + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo - nếu có). + Tờ trình của Sở Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					(02 bản chính). + Dự thảo văn bản của UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp (01 bản chính, 01 bản photo). Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức được phân công xử lý của Phòng chuyên môn.
B14	Kiểm tra hồ sơ	Công chức Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo Tờ trình trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố.
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký Tờ trình trình lãnh đạo UBND Thành phố
B16	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký Tờ trình trình lãnh đạo UBND Thành phố.
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B18	Phát hành văn bản	Công chức Phòng Hành chính - Quản trị thuộc Văn	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, ban hành văn bản; chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		phòng UBND Thành phố			
B19	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam: Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đáp ứng đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam: Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ.
B20	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Chủ tịch nước	20 ngày	Hồ sơ trình	Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.
B21	Thông báo kết quả giải quyết	Bộ Tư pháp	07 ngày làm việc	Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. - Gửi kết quả giải quyết cho Ủy ban nhân dân Thành phố để thông báo cho người có yêu cầu và để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch. - Thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch. - Thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền xóa đăng ký thường trú,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					thu hồi và hủy giá trị sử dụng Hộ chiếu Việt Nam, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, khóa Căn cước điện tử của người đó theo quy định của pháp luật.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.1). - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.2).
5	BM 05	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4.	BM 04	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	//	Bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
7.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2025).

- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.

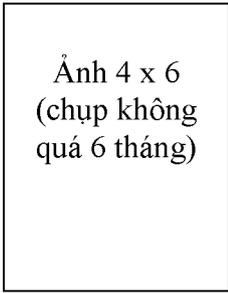
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Quyết định số 5793/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh mục thủ tục hành chính thí điểm tra cứu thông tin cơ sở dữ liệu khi thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

- Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp./.



Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:do:.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

Tôi cũng xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên: Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:do:

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

Con thứ hai:

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên: Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

.....

Hộ chiếu Việt Nam số:do:

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Con thứ.....:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:, ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

-

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(6) Trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

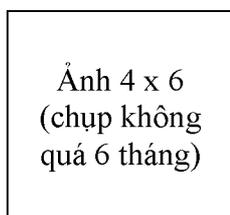
Nơi cư trú* :.....

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin thôi quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:.....do:.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :.....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Người thứ hai xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:.....do:.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :.....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Người thứ ... xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:, ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

-

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp

không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Mẫu TP/QT-2025-BKLL

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ
căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

.....

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng.....năm.....

Nơi làm việc:

.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ

căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Con thứ**Anh/chi/em ruột thứ nhất:****Con thứ nhất:**

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chi/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chi/em ruột thứ

(Nếu số lượng con, anh/chi/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

Mẫu TP/QT-2025-VBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số..... do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số..... do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):
số.....do.....
..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):
số.....do.....
..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ ...:

Nội dung thoả thuận

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thoả thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

(3) Ghi rõ nội dung thoả thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

I. Thông tin về người xin thôi quốc tịch Việt Nam

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);
- (11) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Lý do xuất cảnh;
- (13) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (14) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

II. Thông tin về con chưa thành niên sinh sống cùng xin thôi quốc tịch Việt Nam

Con thứ nhất:

- (15) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (16) Họ, chữ đệm và tên;
- (17) Giới tính;
- (18) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (19) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (20) Nơi sinh;
- (21) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (22) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (23) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (24) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);
- (25) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (26) Lý do xuất cảnh;
- (27) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

Con thứ...

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin thôi quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

**(Dành cho người đại diện theo pháp luật làm
Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)**

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin thôi quốc tịch Việt Nam

Người thứ nhất xin thôi quốc tịch Việt Nam:

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;

(16) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(17) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(19) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);

(20) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(21) Lý do xuất cảnh;

(22) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(23) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

Người thứ hai xin thôi quốc tịch Việt Nam:

(24) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;

(25) Họ, chữ đệm và tên;

(26) Giới tính;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Nơi sinh;

(30) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh*

tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(31) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(32) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(33) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);

(34) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(35) Lý do xuất cảnh;

(36) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(37) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

Người thứ xin thôi quốc tịch Việt Nam

....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin thôi quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC BẢN KHAI LÝ LỊCH

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi làm việc.

I. Tóm tắt về bản thân

(Ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

II. Tóm tắt về người thân thích

Ông nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội là công dân Việt Nam);

- (6) Họ, chữ đệm và tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà nội là công dân Việt Nam);

- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(13) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(14) Quốc tịch;

(15) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Ông ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông ngoại là công dân Việt Nam);

(16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(18) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Quốc tịch;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà ngoại (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà ngoại là công dân Việt Nam);

(21) Họ, chữ đệm và tên;

(22) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(23) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Quốc tịch;

(25) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người cha

(26) Họ, chữ đệm và tên;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Quốc tịch;

(30) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người mẹ

(31) Họ, chữ đệm và tên;

(32) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(33) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(34) Quốc tịch;

(35) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Vợ/chồng

(36) Họ, chữ đệm và tên;

(37) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(38) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(39) Quốc tịch;

(40) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ nhất

(41) Họ, chữ đệm và tên;

(42) Giới tính;

(43) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(44) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công

dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(45) Quốc tịch;

(46) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ ...

....

Anh/chi/em ruột thứ nhất

(47) Họ, chữ đệm và tên;

(48) Giới tính;

(49) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(50) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(51) Quốc tịch;

(52) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Anh/chi/em ruột thứ

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

(Xem tiếp Công báo điện tử số 255 + 256)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>